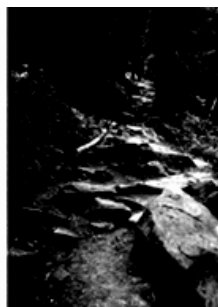


TRẦN HUIỀN ÂN

GIỮA CỌP



VÀ NGƯỜI

Cọp lo phần cọp, người lo phần người. Dân làng tôi xưa nay vẫn nói như vậy. Làng tôi tên nôm na là làng Đá, thuộc vùng cao nguyên nhưng không giống mấy làng ở ngay trung tâm. Các nơi kia như làng Trại, làng Gò... đất trùn màu nâu sậm, những trảng gò rộng mênh mông, rải rác những chòm cây, xen lẫn nhau nào sim, mua, nào so đũa, chân bầu, và rải rác những tảng đá ong lớn bằng bộ phận bị gió mưa đục khoét nhiều hang hốc lỗ chỗ. Đó là đất nước, quê hương của lũ chiến chiện sáng chiều riu rít tung bay.

Làng tôi nằm dưới trũng thấp, có đủ ruộng, vườn và thỏ. Con đường ra hướng bắc cứ thoải thoải đi lên, lên mãi. Hai bên đường là rừng cấm, già cổ thâm nghiêm, cây xanh tàn dày bốn mùa che khuất ánh nắng, che khuất cả những lối mòn cọp đi. Mỗi khi có việc phải vào rừng cấm, dân làng tôi biết rằng đang bước vào thế giới của chúa sơn lâm, cọp beo quanh quẩn đâu đây, cũng đang nín thở như người để khỏi nhận ra nhau nhưng vẫn nghe được hơi hướm của nhau. Những giây phút ấy sự im lặng hoàn toàn chế ngự, không một tiếng chim kêu thú chạy, thậm chí như gió cũng ngưng thổi khiến đầu óc ta căng thẳng đến tột độ, không ai muốn nán lại lâu mặc dù trong rừng cấm thật mát mẻ dễ chịu, nhiều khi mát đến lạnh người.

Sở dĩ làng tôi mang tên làng Đá vì có nhiều dốc đá. Một đoạn của con đường nói trên, từ đầu dốc Đá Mài đến chân dốc Đá Trắng hai bên không phải rừng già mà toàn tranh đế. Về đêm chỗ trảng này rất nhiều sương. Mặt trời vừa lặn sương đã phủ xuống ướt đầm cỏ cây, mặt trời mọc độ một đòn gánh sương mới hết. Khi sương chưa tan ta lội vào tranh đế sẽ bị cát cứa ngứa khó chịu. Cọp beo cũng vậy. Người ta nói cọp sợ ướt lông. Thành ra đây là đoạn đường người và cọp đi chung. Tự thuở qui dân lập ấp người và thú sống gần nhau đã có sự phân định thời khắc rõ ràng. Người đi ban ngày từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn. Cọp đi ban đêm từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc hôm sau. Nhờ vậy hai bên rất ít khi gặp, chỉ thỉnh thoảng, hi hữu, vì một lý do nào đó cọp đi muộn hoặc người đi sớm. Nếu ngược chiều, cọp thấy trước lập tức phóng vào rừng. Nếu cùng chiều, người đi sau thấy trước thì ho hay đằng hắng một tiếng ra hiệu, cọp không quay đầu lại được cũng lập tức phóng vào rừng. Cần đi ban đêm người phải giơ cao đuốc sáng, nói chuyện rồn rảng. Ai đã quen núi rừng đều

biết, một tiếng xào ròi một tiếng rắc nhẹ, sau đó hoàn toàn im lặng thì chính là cộp. Một tiếng xào ròi nhiều tiếng rắc, nặng nhẹ không đều, là một con thú khác. Trang lứa chúng tôi ở làng Đá nam nữ có bảy đứa, từ thời niên thiếu đã nhiều lần đi trên đường này. Không biết tự lúc nào, dần dần chúng tôi thuộc lòng từng đặc điểm, mọi dấu vết của con đường, chỗ kia có tảng đá trồi lên, chỗ nọ có rễ cây cổ thụ nhô ra, còn bao lâu nữa thì đến cây đa đôi nghỉ chân, bao lâu nữa thì đến chòm bảy thưa lũng lảng trên ngọn những trái chín mở ra hai kháp như chiếc hộp lót nhung đỏ. Không biết tự lúc nào chúng tôi quen nhìn những bãi phân cộp, có khi chủ nó mới vừa phóng uế, tức là vừa đi qua trước đó không lâu. Thật sự chúng tôi thấy sợ sợ mà cố giấu nén nỗi sợ. Trong bọn, Trục lớn tuổi hơn, dáng người thấp thắp, chắc chắn, nước da hơi ngăm. Trục vốn con nhà nghèo, làm con nuôi cho một gia đình khá giả có học, cái tên xấu xí cũ được đổi thành Lê Trung Trục. Những trải nghiệm của thời gian cùng cha mẹ anh em vất vả, cộng với lối giáo dục nho phong được tiếp nhận từ nghĩa phụ khiến Trục sớm tỏ ra trưởng thành trong suy nghĩ cũng như cách nói năng. Chúng tôi không coi Trục là vai anh nhưng dành cho Trục lòng yêu mến lẫn kính nể, tin cậy như một người anh. Nghe Trục nói: “Ông đi chuyện ông, mình đi chuyện mình, không ai chọc ghẹo ai thì không sao hết”, đứa nào cũng bớt phần lo ngại.

Một bữa nọ, nhà chiêm tinh nổi tiếng Trương Phước Kỷ ghé lại làng Đá, bảo rằng Trục có cung mạng hợp với thiên nhiên hoang dã, cây rừng đá núi, thượng cầm hạ thú không chịu khuất cũng chịu nhường. Chúng tôi tin theo và cố tìm những sự việc trong thực tế để chứng minh lời thầy là đúng. Chặt cây bao giờ Trục cũng có cây tốt, hái trái luôn có trái ngon, rập chim nhử thú câu cá đều giỏi. Từ đó chúng tôi đoán định sau này Trục sẽ giữ vai trò chủ làng như cụ Phụng Tám, mỗi khi đi đâu có Trục chúng tôi thấy yên tâm hơn.

Người dân miền núi gọi cộp beo là ông và tùy theo sắc lông đặt thành tên: ông gấm nhỏ hơn, thân hình nhiều chấm lốm đốm như thêu hoa; ông vằn tàu cau lớn hơn, lưng màu hung hung, dần dần ngả vàng xuống bụng màu trắng, trên cái nền ấy có những vệt đen bằng chiếc lá cau; lớn nhất là ông vằn vắt khăn, những vệt đen bằng chiếc khăn lông đàn ông quấn cổ vắt vai.

Năm ấy chúa rừng là một ông vằn tàu cau đuôi thật dài, dáng vẻ đĩnh đạc, nhưng trên đường đi buổi sáng thường trễ muộn, buổi chiều thường sớm vội, khác với qui ước ngầm giữa người và cộp, chẳng hiểu ai đã đặt ra, đặt bao giờ hay chỉ là suy nghĩ, tưởng tượng rồi cho là thật. Nhiều người đã gặp ông vằn tàu cau, có khi đối diện hơi xa đã kịp nhận thấy đôi mắt ông đỏ ngầu sáng quắc. Tuy vậy người dân làng Đá vẫn nói: “Đường thì đi chung mà công chuyện thì lo riêng, ai có phần nấy, mắc mớ chi đâu!”.

Mùa hè năm 1952, một cán bộ huyện về tỉnh nộp thuế. Tiền tín phiếu chứa đầy căng trong hai bao chỉ xanh. Ông ta qua làng Đá thấy còn sớm nên cố đi thêm ra làng Trại và đến chân dốc Đá Trắng lúc mặt trời sắp lặn, chạm trên vai núi. Vừa xuống ngựa dắt lên dốc, ông ta chợt thấy một con cộp lớn đang cúi đầu uống nước nơi giếng nhỏ bên đường.

Giếng này đôi khi người đi đường khát mệt cũng dùng, mỗi lần uống người ta vét thêm một chút, nhờ vậy giếng tuy cạn mà không bao giờ khô. Con cộp đó là ông vằn tàu cau. Người cán bộ kịp nhớ “cẩu kỵ thổ, hổ kỵ thạch”, lượm một hòn đá cầm giờ lên, ông vằn tàu cau nhẹ nhàng lùi vào bụi rậm. Người cán bộ chưa

hiểu hết câu ấy, hổ kỵ thạch là khi con người chưa buông rời vũ khí, đáng lẽ vẫn giữ nguyên vị thế cầm hòn đá coi như sẵn sàng thì ông ta liền ném theo con cạp rồi gấp gáp kéo ngựa đến đầu dốc, lên yên.

Ông vắn tàu cau từ bìa rừng phía sau phóng tới, bầu vào vai, cắn vào cổ người cán bộ. Con ngựa tung một cú đá hậu, hai bao bạc tín phiếu rớt xuống. Người cán bộ sau phút hốt hoảng chưa thấy đau đớn, còn đủ sức nâng hai bao bạc lên, cỡi ngựa chạy ra làng Trại hô hoán. Bà con hái thuốc dầu đắp cho ông ta, sáng hôm sau cáng xuống bệnh viện tỉnh, tại đây ông ta tắt thở.

Dân làng Đá họp lại bàn bạc. Đông đảo nghĩ rằng ông vắn tàu cau đã vi phạm điều giao ước thâm lặng tự đời xưa giữa người và cạp, dầu có một đoạn đường phải đi chung nhưng ai lo phần nấy. Một số bào chữa rằng khi ném đá vào chúa sơn lâm, con người đã ra tay trước. Hành động của ông vắn tàu cau chỉ là lời cảnh báo, cú đá hậu của con ngựa và sức nặng của hai bao bạc tín phiếu rơi xuống không đáng kể, nếu cố ý ông vắn tàu cau đã dễ dàng xé xác cả người và con ngựa. Cuối cùng, ý kiến quyết định của cụ Phụng Tám là dầu sao thì một con người đã chết dưới móng vuốt cạp, không thể tha thứ, mạng phải đền mạng, mười mạng cạp trả một mạng người.

Sáng hôm sau, trai tráng làng chặt cây, bút mây, khiêng đá, dựng năm chiếc cũi nhử dọc đường. Cũi hình chữ nhật, rào bằng cây sắn cỡ bắp chân, bắp vế chôn sâu xuống đất, có hai ngăn, ngăn hẹp cột một con chó suốt đêm kêu la, ngăn rộng bên ngoài một cánh cửa chắc bằng ván, cạp vào là cửa sập xuống, bên trên gác cây chát nhiều tảng đá lớn. Ngay đêm ấy đến hai con beo gấm sa bẫy.

Người ta dùng sợi dây mây thắt thông lọng, thò vào cũi siết cổ giết chết ác thú. Cách giết này nhanh hơn, có hiệu quả hơn, nếu dùng lưới nhện đâm nó sẽ chống cự, vẫy vùng, bộ da không còn nguyên vẹn, có khi bẻ gãy giáoc mác, ở nông thôn bảo rằng cạp beo chỉ sợ “ông thần vòng” mà thôi. Suốt tuần lễ làng Đá diệt tám con beo gấm lớn nhỏ. Mọi người hoan hỉ nhưng cụ Phụng Tám chưa bằng lòng.

Nửa tháng tiếp theo không thấy động tịnh gì và sau đó bắt được một con cạp cái thật lớn. Nhiều người cho đây là ông vắn tàu cau, nhưng cụ Phụng Tám nói chưa phải, chỉ là ông cái, còn ông đực nữa, cụ tiên liệu nhiều cách trả thù của ông vắn tàu cau đực, dặn dò tất cả phải đề phòng.

Các cũi nhử được sửa lại chắc chắn hơn, có đêm nhốt một con bò nghé, nhưng ông vắn tàu cau không thèm đếm xỉa, ban ngày chặn bắt trâu bò lúc thả ăn làm bọn trẻ chần sợ quá không dám lừa ra giồng xa, buổi chiều đã lẫn khuất ở chân đồi, ban đêm vào tận đầu làng, tiếng gầm vang động ghê rợn khiến dân làng ăn ngủ không yên. Những ngày này mọi người nơm nớp lo sợ, không ai dám đi lẻ, ra rầy phải năm bảy người, bọn chúng tôi đành phải tạm xa con đường quen thuộc.

Trưa hôm ấy, ông vắn tàu cau hạ một con trâu cái tơ vừa lớn của bà Chủ Hai ngay bờ ruộng gần xóm, mặc dù con trâu đực cầm bầy chạy theo húc đuổi, con mồi vẫn bị tha đi. Biết thói thường của loài cạp không bao giờ bỏ miếng ăn nửa chừng, cụ Phụng Tám cho kéo nửa con trâu tơ đến chỗ trống trải, cắt người canh giữ, rồi dắt theo Trục, tức tốc ra làng Gò, phía ngoài làng Trại, gặp ông Cửu Mười.

Ông Cửu Mười là người chuyên gài cọp bằng bẫy cần, vóc dáng tầm thước, râu quai nón, lông mày rậm, đôi mắt luôn mở lớn. Dư luận bảo rằng tướng tinh của ông khiến muông thú đều sợ, cọp beo đánh hơi biết ông vội vàng lảng tránh. Những chiếc bẫy của ông có một ma lực kêu gọi cọp đến để tìm cái chết.

Gài bẫy cọp tốt nhất là chọn chỗ có một cây sống làm cần, người đánh sợi thông lọng bằng nhợ gai, gọi là sợi đôi, phải có tuổi cao đức lớn sợi đôi mới không giãn, không bị đứt vì lỡ con cọp đã mắc bẫy mà vượt sổ thì kết quả nguy hại không sao lường được. Sợi đôi đã một lần dính cọp càng tốt, hồn con cọp chết sẽ xui khiến kêu gọi con cọp sống thế chỗ. Ông vắn tàu cau khôn ngoan nhưng chắc chắn do kiêu căng, khinh địch nên năm lần bảy lượt quanh quẩn người nhìn, bỏ đi, cuối cùng quay lại.

Chiếc bẫy được nguy trang rất khéo léo, không có gì đáng nghi ngờ, ông vắn tàu cau thò chân trước vào khối thịt thắm đỏ. Chỉ cần một tích tắc ấy, cây máy rơi xuống, cây cần bật lên, một chân ông bị siết chặt. Ông cố sức vùng vẫy, chạy ngược chạy xuôi gầm gừ, cố sức cắn táp nhưng sợi đôi được chiếc cối giã đục thủng đáy che chở, ông chỉ cắn táp làm sứt mẻ chung quanh vành tai cối. Phía ngoài chân cần có đóng sẵn một hàng cừ và một sợi đôi khác cũng đã buộc sẵn vào sợi đôi đang siết tay con cọp.

Bây giờ đông đảo dân làng gõ mõ khua chiêng hô hoán la ó thị uy làm con cọp mất tinh thần, tất cả trai tráng cùng ra sức kéo nó áp sát vào hàng cừ. Ông Cửu Mười nhường cho cụ Phụng Tám việc đưa thần vòng qua khe cừ kết liễu cuộc sống của ông vắn tàu cau. Vị thủ lĩnh ác thú tận lực giãy giụa nhưng toàn thân bị ép vào hàng cừ, bốn chân hơi hồng ngoài không khí chẳng bầu được vào đâu, cổ bị sợi mây rắc siết chặt, giương đôi mắt căm hờn nhìn vị thủ lĩnh dân chúng làng Đá, trong đó như có ẩn niềm hối hận sơ hở, rùng mình mạnh một cái rồi ngoẹo đầu tắt thở.

Sau buổi ấy, trên đoạn đường giữa hai con dốc không thấy phân cọp rải rác. Bọn chúng tôi lại cùng nhau đi về thường xuyên, lúc tụ họp gặp gỡ lại thường đem chuyện cọp nghe từ người lớn kể với nhau.

Rồi một buổi sáng, đang thông thả trên đường, vui vẻ chuyện trò, Trục đằng hắng lớn và phác tay ra hiệu cho chúng tôi dừng bước. Vài đứa chưa kịp thấy gì. Trục nói: “Một ông vắn vất khăn, còn nhỏ”. Từ đó, thỉnh thoảng lại thấy phân cọp dọc đường, nhiều đứa trong chúng tôi cảm nhận có một điều gì đó lơ lửng, một chuyện rình rập, một sự lo lắng, cầu mong đừng xảy ra những rủi ro, nhưng Trục nói: “Không sao đâu”.

Trục giải thích theo lời cụ Phụng Tám: Ông vắn vất khăn này còn nhỏ, không bắt người, thường thường đang sức tuổi cường tráng cọp cũng không bắt người. Chỉ những ông cọp già, cọp ba chân mới bắt người. Đó là những ông cọp đã thành tinh hoặc có thù hận gì, chẳng hạn do con người làm bị thương què vẹo. Một lý do nữa là cọp già không còn đủ sức lực săn đuổi các loài thú khác mạnh mẽ hoặc chạy nhảy lanh lẹ, cọp già biết rõ con người là một động vật yếu ớt không có nanh vuốt chống cự, bắt người dễ hơn, còn chuyện mỗi lần ăn thịt một người cọp cào lên tai một vạch là chuyện nói lẻ.

Theo ngày tháng chúng tôi bước vào tuổi trưởng thành, hiểu rằng từ nay có một ranh giới rõ ràng giữa bốn đứa con trai với ba đứa con gái, vẫn thương yêu thân mật nhưng không còn được phép dễ dãi. Sự đụng chạm gần gũi trong thời gian

qua đến lúc mặc nhiên trở thành cấm kỵ. Về sau, không ít người đặt câu hỏi sao trong chúng tôi chẳng có một đôi nào nên duyên chồng vợ?

Lúc ấy chúng tôi mới chợt nhớ, mỉm cười vì thật lòng chúng tôi không nghĩ đến. Có lẽ vì bốn chàng mà ba nàng thì cũng khó, ai lại để một bạn chịu cảnh lẻ loi, kết hôn với người xa lạ. Một đứa còn bảo: Bạn bè ai lại cưới nhau, như vậy cái tình cảm chung sẽ ít nhiều sút mẻ, đâu còn trọn vẹn. Cũng có thể nói tình bạn của chúng tôi đã vượt lên cao làm quên lãng cả tình yêu chẳng?

Lần này tôi trở về làng Đá đúng 50 năm kể từ buổi chúng tôi như chim chóc tan đàn, mỗi người một nơi. 50 năm, con số to lớn và tròn trịa ấy cứ ám ảnh khiến lòng tôi thêm thương mến làng xóm, bạn bè và thương mến chính mình.

Hồi đó tôi chưa tròn 20, nhỏ hơn các bạn một vài ba tuổi. Ba bạn gái đều lấy chồng xa, mặc áo hồng đến xứ người, nhận quê người làm quê ta. Ba bạn trai kia, một người muốn thoát khỏi cảnh ruộng đồng lên huyện lỵ tìm việc, hai người đúng tuổi lên đường nhập ngũ. Tôi nhận được sự vụ lệnh tuyển dụng vào ngạch giáo chức, nhiệm sở là một nơi ngoài tỉnh, địa danh nghe lạ hoắc. Tôi cố nhắn các bạn và có lẽ linh tính báo trước đây là cuộc gặp gỡ cuối cùng, khó mong lặp lại nên tất cả đều sốt sắng trở về.

Thanh niên miền Trung hồi ấy hiền như cục đất, uống một hớp bia đã thấy nòng nân lên mũi. Chúng tôi thức trọn đêm, uống được hai chai bia Royal 65 hiệu con cọp, bên dưới có hình trái thơm, coi là loại ngon hơn. Mấy người con gái má hồng lên, môi đỏ lên như thoa son đánh phấn. Ba năm sau, chiến tranh lan rộng, làng Đá bị thiêu rụi hoàn toàn, bà con tản cư hết. Chúng tôi không còn làng quê và lạc xa nhau.

Sau 1975 chỉ một mình Trục đưa vợ con hồi hương. Chúng tôi mỗi đứa có về làng, ở lại nhà Trục, ước mong có một lần gặp đủ, nhưng chưa có lần nào và mãi mãi sẽ không có. Tôi hỏi Trục nhiều điều, tất nhiên không thể thiếu chuyện cọp beo.

Làng Đá bây giờ rất hiếm hoi chuyện cọp beo. Ở vùng cao mà không có chuyện cọp beo, đi đường không nhìn thấy phân cọp rơi rắc thì thiếu mất một phần phong vị sơn lâm. Đám trẻ gọi Trục là chú Ba, tiếng nói của chú Ba rất có giá trị trong cộng đồng. Tiếc rằng cái chơn mạng có tướng tinh của chú Ba rơi vào buổi cuối mùa, không còn dịp thi thố sự đối trọng với chúa sơn lâm như các vị lớp trước: cụ Phụng Tám, ông Cửu Mười.

Bây giờ làng Đá là thôn 2, dorr lên hai bên đường quan báo cũ, nhà cửa xây mới theo từng lô san sát, trông khác lạ hẳn. Xưa kia nhà cửa cất theo vườn, theo thổ, nhìn xuống những dây ruộng chạy lòng vòng. Tháng ba, tháng tám lúa chín vàng đồng, chim đồng dộc treo ổ toong teng trên ngọn tre, sà xuống bay lượn.

Xóm Vườn trồng nhiều cau, giếng nước nằm trong vườn cau. Xóm Giữa nằm cạnh gò Cây Sộp là đỉnh cao của làng, có trường sơ học. Xóm Lầm đáng về trầm lặng, không khí hơi tối dưới bóng những cổ thụ ven đường trước cổng lằm. Tôi yêu thích cả khung cảnh tổng quan ấy với mối giao tình bà con làng xóm thân mật đậm đà, nghĩ rằng đã là làng thì phải có xóm, không có xóm không còn là làng nữa, cái tên “thôn 2” nghe thật vô cảm.

Trục qua đời đột ngột, chỉ có tôi và một người bạn gái kịp về dự lễ tang. Buổi sáng hôm ấy Trục đã ngã xuống nơi đám gò thoáng rộng, trút hơi thở cuối cùng bên những cụm cỏ tai bèo tròn trĩnh bé nhỏ, gió nam thổi bầy bồng bênh trên

ngọn rừng chồi, không có vợ con bên cạnh. Nơi yên nghỉ cuối cùng của Trục là đám đất Cây Dâu, phía sau nhà cũ của anh.

Khi mọi người về hết, tôi và người bạn gái còn ngồi lại bên nắm mộ Trục, im lặng, chìm đắm trong dĩ vãng, thấy thương xót vô cùng cái làng Đá bé nhỏ ngày nào với mấy xóm bé nhỏ quây quần, thương xót lũ chúng tôi thời từ thơ ấu đến trưởng thành. 50 năm, suốt một quãng thời gian dài với nhiều khắc nghiệt, bọn chúng tôi chỉ mất mát hao hụt chứ không hề giàu có thêm. Chúng tôi cũng muốn bày tỏ một chút giận và cũng muốn trách Trục là ỷ tài ỷ sức, ham công tiếc việc, cái chết vội vàng của anh gây ảnh hưởng quá lớn trong sáu đứa con lại. Vĩnh viễn không bao giờ còn có một đêm gặp gỡ như 50 năm trước.

Một đêm như thế bây giờ rất cần. Ba bạn gái, hai người đã thành quả phụ, một người còn lận đận trong Nam. Với riêng tôi, bao giờ Trục cũng chịu khó lắng nghe, cả chuyện tốt, chuyện xấu, cả những ý nghĩ trong sáng và đen tối, để cuối cùng có lời khuyên giải mộc mạc chân thành. Từ nay tôi không còn nói với được ai, đúng như lời người xưa “Chung Kỳ ký một Bá Nha tuyệt huyền”.

Trên đường về thành phố bằng xe gắn máy, dốc Đá Mài hiện tại chỉ là một khúc quanh thấp, đến chỗ hồi trước là cây da đồi, người bạn gái bảo dừng lại. Cây da đã chết, con đường đã tráng nhựa, không còn dấu phân cạp, nơi gốc da không còn những tảng đá chúng tôi từng dùng than, dùng phấn vẽ bàn cờ, bày quân tướng bằng sỏi sạn, xúm xít so tài cao thấp.

Ngồi bệt xuống lề đường tôi thuật lại lời Trục, lúc mới hồi hương một buổi chiều vô tới đây, Trục thấy ông vằn vắt khăn lộ mặt ra đường, liền đằng hắng lên tiếng: “Mặt trời chưa lặn mà ông!”, ngụ ý nhắc rằng vẫn còn giờ khắc của người, hai bên nhìn nhau một chặp, ông vằn vắt khăn cúi xuống, trệt lui. Theo ý Trục thì đây chính là ông vằn vắt khăn chúng tôi có thấy lúc cả người và cạp đều còn trong tuổi nhỏ.

Người bạn gái khế reo lên vui mừng. Tôi hiểu điều bạn đang nghĩ trong lòng: Vậy là Trục đã tái ngộ với ông vằn vắt khăn, chỉ có một lần nhưng có còn hơn không, một còn hơn không, ít nhất người chú Ba của làng Đá hôm nay và con cạp đầu đàn hôm nay cũng đã tương kiến để rồi ai lo phần nấy.

Trần Huyền Ân

-Trích từ tập truyện GIÓ SANG NGÀY-